TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 18/5/2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thuận và bà Huỳnh Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lên – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc: "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị H, sinh năm 1972;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tài T, sinh năm 1973;

Cùng nơi cư trú: thôn B, xã B1, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng N (tên viết tắt: A);

Địa chỉ: Số X, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Tiết Minh T - Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn H - Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (tên viết tắt: A Chi nhánh S, tỉnh Quảng Ngãi); địa chỉ: tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Bà Hồ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1993, Bà Hồ Thị H và Ông Nguyễn Tài T có tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 1993 đến nay, có con chung, tài sản chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống giữa bà H và ông Tkhông có hạnh phúc kéo dài nhiều năm, mâu thuẫn không thể khắc phục được. Vì các con nên bà cố gắng chịu đựng để các con trưởng thành. Nay các con đã thành niên nên bà Hyêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với Ông Nguyễn Tài T để chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Về con chung: Bà Hồ Thị H và Ông Nguyễn Tài T có 03 con chung gồm: Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; Nguyễn Tài T1, sinh năm 1998; Nguyễn Thị L, sinh năm 2000. Các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Tính đến ngày khởi kiện, bà H và ông T có vay của A Chi nhánh S, tỉnh Quảng Ngãi số tiền 100.000.000 đồng, đã trả được 10.000.000 đồng, còn nợ 90.000.000 đồng. Bà yêu cầu chia đôi khoản nợ vay như trên cho bà và ông T mỗi người có nghĩa vụ trả một nữa gốc và lãi.

Ngoài ra, nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời ngày 26/3/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn Ông Nguyễn Tài T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tài T công nhận quan hệ hôn nhân, thời gian tổ chức lễ cưới, thời gian chung sống như vợ chồng và con chung như bà H trình bày trên là đúng. Trong quá trình sống chung, giữa ông và bà H bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng khoảng 3 – 4 năm nay nhưng vẫn sống chung. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông T đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung: Ông T và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T thống nhất có vay của A Chi nhánh S, tỉnh Quảng Ngãi và đồng ý cách chia nợ để thanh toán sau ly hôn như bà H trình bày trên.

Ngoài ra, bị đơn không trình bày gì thêm.

Tại văn bản số: 122/ NHNo.BS ngày 06/4/2021 và văn bản số: 188/NHNo.BS ngày 13/5/2021 của Giám đốc A Chi nhánh S, tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Ông Nguyễn Tài T và Bà Hồ Thị H có vay của A Chi nhánh S, tỉnh Quảng Ngãi số tiền vay gốc là: 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng*), lãi suất vay trong hạn 10%/năm, theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số sổ: 4510LAV 201902814, mã khách hàng 077472911, ngày vay 22/5/2019 do hộ Nguyễn Tài T đứng tên, khoản vay này là tín chấp (không có bảo đảm) nhưng Ngân hàng có giữ sổ đỏ để làm tin.

Sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử thì đến ngày 12/5/2021, ông T và bà H đã thanh toán xong khoản vay trên cho Ngân hàng. Vì vậy, Giám đốc A

Chi nhánh S, tỉnh Quảng Ngãi không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay trên.

Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Hồ Thị H và Ông Nguyễn Tài T.

Về con chung, tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Ngày 12/5/2021 ông T, bà H đã trả nợ xong cho A Chi nhánh S, tỉnh Quảng Ngãi nên không đặt ra giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về nghĩa vụ trả nợ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đều có văn bản đề nghị vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hồ Thị H và Ông Nguyễn Tài T sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống giữa bà H, ông T xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có hạnh phúc. Xét thấy quan hệ giữa bà H và ông T sống chung với nhau như vợ chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T.

[3] *Về con chung:* Bà Hồ Thị H và Ông Nguyễn Tài T có 03 con chung gồm: Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; Nguyễn Tài T1, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị L, sinh năm 2000; đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Bà Hồ Thị H và Ông Nguyễn Tài T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nghĩa vụ tài sản:* Ông Nguyễn Tài T và Bà Hồ Thị H có vay của A Chi nhánh S, tỉnh Quảng Ngãi như các đương sự trình bày trên. Tuy nhiên, tại văn bản số: 188/NHNo.BS ngày 13/5/2021 của Giám đốc A Chi nhánh S, tỉnh Quảng Ngãi xác nhận ông T và bà H đã thanh toán xong khoản nợ vay và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nghĩa vụ chung về tài sản (trả nợ vay).

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Bà Hồ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000đồng nhưng được khấu trừ một phần tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp còn hoàn trả lại cho Hảo tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia nghĩa vụ chung về tài sản.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát ở trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 244, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Hồ Thị H và Ông Nguyễn Tài T.

2. *Về con chung:* Bà Hồ Thị H và Ông Nguyễn Tài T có 3 con chung gồm: Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; Nguyễn Tài T1, sinh năm 1998; Nguyễn Thị L, sinh năm 2000; đều đã thành niên. Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung:* Bà H và ông T tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nghĩa vụ tài sản:* Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Bà Hồ Thị H về yêu cầu chia nghĩa vụ trả nợ vay của Ngân hàng N, với lý do: đã thanh toán xong khoản nợ vay.

Các đương sự được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*), Bà Hồ Thị H có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 1.425.000đồng (*một triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0003494 ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, còn phải hoàn trả lại cho bà H số tiền chênh lệch là 1.125.000đồng (*một triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa, đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyệnBình Sơn;
- UBND xã Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Toại